

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 424/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04/9/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Lợi

2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2020/HNST ngày 17 tháng 6 năm 2020, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3526/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1950.

Địa chỉ: 170 đường L, phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh (*Có mặt*).

- Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1959.

Địa chỉ: 170 đường L, phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn ly hôn ngày 28/5/2020 và tại phiên tòa, ông Nguyễn Minh H là Nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T là vợ chồng có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh cấp Chứng nhận đăng ký kết hôn số 128/92, quyền số I/P.BT ngày 29/12/1992 (Bản chính đã bị thất lạc). Từ ngày chung sống cho đến khi sinh con năm 1994, bà T không biết làm nội trợ, chăm sóc con, chỉ ham đánh đề và góp hụi. Tất cả mọi việc trong nhà đều do một mình ông lo liệu nên vợ chồng không hạnh phúc, sống chung nhà nhưng vợ chồng ly thân mười mấy năm nay không quan tâm nhau. Trong suốt thời gian đó nhiều lần ông muốn ly hôn nhưng vì bản thân nghiện ma túy nên không tự tin, sợ Tòa án không giải quyết. Nay ông đã từ bỏ ma túy, cai nghiện

thành công và có đủ sức khoẻ (kết quả xét nghiệm tại Trung tâm y tế dự phòng Quận 1 từ tháng 4 đến tháng 8/2020 đều âm tính), con trai cũng đã đến tuổi lấy vợ nên ông mạnh dạn xin ly hôn với bà T vì thực tế hai bên không còn gì ràng buộc nhau, việc bà T sống cùng nhà nhưng lối sống sinh hoạt không phù hợp gây ảnh hưởng đến ông. Do đó, ông yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với bà T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Lê M (Nam), sinh ngày 23/9/1994 đã trưởng thành, hiện đã có công việc riêng và sống với ông tại nhà 170 đường L, Quận M.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà T không có tài sản chung, không vay mượn nợ chung của ai.

Về chỗ ở: Căn nhà 170 đường L, Quận M là nhà của cha mẹ ông (đã chết). Cha mẹ có 07 người con nhưng 05 người ở nước ngoài, còn ông và ông Nguyễn Minh C (anh trai) sống tại Việt Nam nhưng chỉ có ông ở tại nhà này để trông coi, nhà cho thuê tầng trệt buôn bán. Ông và bà T ở nhà này từ khi lấy nhau. Nếu ly hôn, bà T sẽ không còn ở đây nên ông đồng ý hỗ trợ cho bà T 5.000.000 đồng/tháng (*Năm triệu đồng*) để thuê nhà ở, giao tiền vào ngày mùng 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/10/2020 cho đến khi bà T qua đời.

Bà Lê Thị T là Bị đơn trình bày:

Căn nhà 170 đường L, Quận M là của cha mẹ ông H, bà sống ở đây từ khi lấy chồng. Bà và ông H chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, từ sau khi sinh con đến nay vẫn ở chung nhà nhưng vợ chồng ly thân, việc ai người ấy làm tự lo cho cuộc sống của mình, không quan tâm chăm sóc và không còn tình cảm. Bà ở đây nhiều năm đã quen, không có tiền để tìm nhà ở nên bà không đồng ý ly hôn. Nhà của cha mẹ bà ở tại 87/33 Đường N, Phường MN, quận P nhưng đông người chật chội, đồ đạc của bà rất nhiều nên bà không thể đến ở cùng được. Ông H đòi ly hôn chỉ vì muốn đuổi bà ra khỏi nhà, ông H cũng ở nhờ nhà này của cha mẹ nên không có quyền đuổi bà. Bà đề nghị Toà án không cho ông H ly hôn, cứ để cho bà và ông H sống như từ trước đến nay.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Lê M (Nam), sinh ngày 23/9/1994 đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông H không có tài sản chung, không vay mượn nợ ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng thủ tục tố tụng; Người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với Bị đơn cư trú tại 170 đường L, phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh nên đây là vụ án về tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ sự xác nhận của hai bên và Chứng nhận đăng ký kết hôn số 128/92, quyền số I/P.BT do Ủy ban nhân dân phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 29/12/1992 có cơ sở xác định ông Nguyễn Minh H và bà Lê Thị T là vợ chồng hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, bà T thừa nhận giữa bà và ông H không còn tình cảm vợ chồng, mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng ly thân từ nhiều năm nay, không còn quan tâm và mỗi người tự lo cuộc sống của mình là phù hợp với kết quả xác minh do UBND phường B, Quận M cung cấp theo Văn bản số 401/UBND ngày 13/7/2020. Như vậy, thực tế giữa ông H và bà T không còn tình cảm vợ chồng, lý do bà T không đồng ý ly hôn không phải xuất phát từ mong muốn níu kéo tình cảm giữ gìn gia đình mà chỉ vì bà lo lắng không có chỗ ở. Xét thấy việc duy trì quan hệ hôn nhân của họ không nhằm để đảm bảo hạnh phúc cho cả hai, không đạt được mục đích của hôn nhân về xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, bền vững. Do đó, ông H yêu cầu được ly hôn với bà T để ổn định cuộc sống là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Con chung Nguyễn Lê M (Nam), sinh ngày 23/9/1994 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà T đều khai nhận vợ chồng không có tài sản chung, không cùng vay mượn nợ của ai và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về chỗ ở: Xét ý kiến của ông H và bà T đều xác nhận căn nhà 170 đường L, phường B, Quận M là của cha mẹ ông H (Theo Bản án số 308/2016/DS-PT ngày 15/12/2016 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh), không phải là nhà ở thuộc sở hữu riêng của ông H. Vì vậy, ông H tự nguyện hỗ trợ cho bà T mỗi tháng 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) để thuê nhà ở, giao tiền vào ngày mùng 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/10/2020 cho đến khi bà T qua đời để đảm bảo chỗ ở cho bà T là phù hợp nên ghi nhận.

Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nêu trên là phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyên đơn.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 203, 264, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

Ông Nguyễn Minh H được ly hôn với bà Lê Thị T.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Minh H và bà Lê Thị T theo Chứng nhận đăng ký kết hôn số 128/92, quyển số I/P.BT do Ủy ban nhân dân phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 29/12/1992 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Minh H hỗ trợ cho bà Lê Thị T số tiền 5.000.000 đồng/tháng (*Năm triệu đồng*) để thuê nhà ở, giao tiền vào ngày mùng 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/10/2020 cho đến khi bà T qua đời.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Minh H không thực hiện việc giao số tiền hỗ trợ nêu trên thì bà Lê Thị T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành, ông H phải chịu tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Ủy ban nhân dân phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh là nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn giữa ông Nguyễn Minh H và bà Lê Thị T có trách nhiệm ghi nội dung quyết định này vào sổ hộ tịch.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông Nguyễn Minh H phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0029269 ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1. Ông H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- TANDTP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- UBND phường B,
Quận M, TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Ánh